

Bản án số: 13/2022/DS-ST

Ngày: 07-7-2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; trụ sở: số 169, phố LĐ, phường HL, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết A – chức vụ: Tổng giám đốc; ủy quyền cho Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, do bà Nguyễn Thị B - chức vụ: Giám đốc làm đại diện; bà Nguyễn Thị B ủy quyền lại cho bà Vũ Thị C, chức vụ: Phó giám đốc tham gia tố tụng.

Bị đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1975 (*có đơn xin giải quyết vắng mặt*); ông Hoàng Minh E, sinh năm 1997; cùng nơi cư trú: Thôn 10, xã ĐO, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của người

đại diện theo uỷ quyền là bà Vũ Thị C có nội dung được tóm tắt như sau:

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho hộ bà Trương Thị D (hộ Trương Thị D gồm có bà, ông Hoàng Văn Đ và ông Hoàng Minh E) vay tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Cụ thể là:

- Khoản vay thứ nhất: Theo tín chấp chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 29 tháng 9 năm 2015 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000705604212 là 12.000.000 đồng với lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng; lãi quá hạn là 0,975%/tháng; phương thức thanh toán 6 tháng/lần; thời hạn vay là 60 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ bà D đã trả được tiền nợ gốc là 6.450.000 đồng và tiền lãi thì hộ bà D đã thanh toán được là 5.854.194 đồng (từ ngày 29 tháng 9 năm 2015 đến ngày 28 tháng 02 năm 2021). Số tiền lãi chưa trả tính từ ngày 01 tháng 3 năm 2021 đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 là 1.213.434 đồng.

- Khoản vay thứ hai: Theo tín chấp chương trình cho vay hộ Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000713792648 là 30.000.000 đồng với lãi suất trong hạn là 9%/năm; lãi quá hạn là 11,7%/năm; phương thức thanh toán 12 tháng/lần; thời hạn vay là 36 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Quá trình vay cho đến ngày khởi kiện, hộ bà D chưa thanh toán nợ gốc, nhưng tiền lãi thì đã thanh toán được là 6.673.810 đồng (từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đến ngày 18 tháng 3 năm 2021). Số tiền lãi chưa trả tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 là 3.834.740 đồng.

Như vậy, hộ bà D còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền gốc của 02 khoản vay là 35.550.000 đồng và tiền lãi là 5.048.174 đồng nhưng không có thiện chí trả nợ, mặc dù đại diện của Ngân hàng đã có thông báo trả nợ cũng như làm việc trực tiếp với hộ bà D nhiều lần.

Nay tại Toà, bà C đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc hộ bà D, ông Đ và ông E phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc đã vay là 35.550.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 là 5.048.174 đồng, tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ gốc chưa trả tính từ ngày 08 tháng 7 năm 2022 (sau ngày Tòa án xét xử vụ án) đến ngày khách hàng trả hết toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng với mức lãi suất quá hạn theo quy định của ngân hàng.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Minh E vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu

của người khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2022 có nội dung như sau:

Hiện nay ông Đ đang chấp hành án tại trại giam Tổng Lê Chân về tội danh “*Mua bán trái phép chất ma túy*” nên không thể tham gia phiên tòa được. Tuy nhiên, việc bà D và anh E vay tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Bù Gia Mập thì ông hoàn toàn không biết vì ông Đ đi chấp hành án từ năm 2015, nhưng ông Đ có nghe bà D nói về việc bà D có mượn tiền của Ngân hàng dùng vào việc chi tiêu trong gia đình. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình ông trả số tiền gốc vay là 42.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án theo quy định thì ông đồng ý trả số tiền này cho Ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc bị đơn bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc còn lại là 35.550.000 đồng và số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án:

Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E có địa chỉ cư trú tại Thôn 10, xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Bị đơn là bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Minh E vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do chính đáng, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng nhiều lần. Như vậy, việc vắng mặt của các đương sự nói trên là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Đ đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 01 tháng 4 năm 2022. Cho nên, căn cứ tại Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị C đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền là gốc đã vay còn nợ lại của 02 khoản vay là 35.550.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù tại phiên tòa vắng mặt bà D, ông Đ và ông E, nhưng căn cứ vào khoản vay vốn tín chấp lập ngày 20 tháng 9 năm 2015 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000705604212 do bà D đại diện hộ gia đình ký tên ở phần người vay với số tiền là 12.000.000 đồng. Mục đích vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và khoản vay theo tín chấp chương trình cho vay hộ Sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000713792648 là 30.000.000 đồng với lãi suất trong hạn là 9%/năm; lãi quá hạn là 11,7%/năm, phương thức thanh toán 12 tháng/lần, thời hạn vay là 36 tháng theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay.

Từ những chứng nêu trên cho thấy, việc giao kết giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 của Bộ Luật dân sự. Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ bà D, ông Đ và ông E đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã đi đòi nhiều lần. Tuy nhiên, trong quá trình vay thì gia đình bà D, ông Đ và ông E đã trả được khoản vay theo tín chấp chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn ngày 29 tháng 9 năm 2015 số tiền gốc là 6.450.000 đồng.

Đối với khoản vay theo tín chấp chương trình cho vay hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo sổ lưu từ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000713792648 là 30.000.000 đồng thì gia đình bà D chưa trả cho Ngân hàng được một khoản tiền gốc nào.

Vì vậy, Ngân hàng do bà Vũ Thị C làm đại diện theo uỷ quyền yêu cầu bị đơn

bà Trương Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền là gốc đã vay còn nợ lại của 02 khoản là 35.550.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà C đại diện cho Ngân hàng yêu cầu hộ bà D, ông Đ, ông E phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi của 02 khoản vay tính đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) tổng cộng là 5.048.174 đồng. HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000705604212 lập ngày 29 tháng 9 năm 2015 và Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 05 tháng 7 năm 2022 của khoản vay 12.000.000 đồng theo chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường, thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng và lãi quá hạn là 0,975%/tháng. Hộ bà D, ông Đ, ông E chỉ mới thanh toán lãi trong hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 29 tháng 9 năm 2015 đến ngày 28 tháng 02 năm 2021 là 5.854.194 đồng thì ngưng cho đến nay. Như vậy, Hộ bà D, ông Đ, ông E còn nợ Ngân hàng đối với lãi trong hạn tính từ ngày 28 tháng 02 năm 2021 đến 08 tháng 4 năm 2021 là 115.397 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 09 tháng 4 năm 2021 đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 1.098.038 đồng. Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn là 1.213.434 đồng.

Căn cứ vào sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay-thu nợ-dư nợ số 6600000713792648 lập ngày 29 tháng 8 năm 2018 và Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 05 tháng 7 năm 2022 của khoản vay 30.000.000 đồng theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, thể hiện các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 09%/tháng và lãi quá hạn là 11,7%/tháng. Hộ bà D, ông Đ, ông E chỉ mới thanh toán lãi trong hạn cho Ngân hàng tính từ ngày 28 tháng 9 năm 2018 đến ngày 18 tháng 3 năm 2021 là 6.673.810 đồng thì ngưng cho đến nay. Như vậy, Hộ bà D, ông Đ, ông E còn nợ Ngân hàng đối với lãi trong hạn tính từ ngày 19 tháng 3 năm 2021 đến 08 tháng 2 năm 2022 là 2.411.507 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 09 tháng 2 năm 2022 đến ngày 07 tháng 7 năm 2022 (*ngày đưa vụ án ra xét xử*) là 1.423.233 đồng. Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn là 3.834.740 đồng. Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn của 02 khoản vay là 5.048.174 đồng.

Xét thấy, bà C đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc hộ bà D, ông Đ, ông E liên đới phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền lãi của 02 khoản vay như đã phân tích nêu trên là có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D, ông Đ, ông E liên đới phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc hộ bà Trương Thị D, ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc đã vay còn nợ lại là 35.550.000 đồng và tổng số tiền lãi theo Bảng kê tính lãi phát sinh lập ngày 05 tháng 7 năm 2022 là 5.048.174 đồng. Tổng cộng là 40.598.174 đồng.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí DSST: Hộ bà Trương Thị D, ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Minh E phải có trách nhiệm liên đới nộp 2.029.908 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh